

Số: /QĐ-BDD

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lang Chánh**

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh hóa về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH; Quyết định số 4825/QĐ-NHCS ngày 11/9/2020 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH Thanh Hóa tại Công văn số 1437/NHCS-KHNV ngày 14/9/2020 về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020 cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Lang Chánh.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Lang Chánh trình Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Lang Chánh điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020 theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Điều 3. Giám đốc NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH huyện, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Lang Chánh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTTC (HYT).

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC

Điều chỉnh chỉ tiêu KHTD năm 2020 cho Phòng giao dịch

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lang Chánh

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày tháng năm 2020
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh tăng, giảm (-) đợt này
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương (KHA)	6.000
1	Cho vay hộ cận nghèo (QĐ 15/2013/QĐ -TTg)	4.000
2	Cho vay Nước sạch & VSMTNT (QĐ 62/2004/QĐ -TTg)	1.000
3	Hộ gia đình sản xuất kinh doanh VKK (QĐ 31/2007/QĐ -TTg)	1.000